

Số: 33/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà - Hoàng Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ - ĐHĐCĐ, ngày 03/07/2009 của Đại hội đồng cổ đông thành lập và được sửa đổi lần Thứ Ba tại Đại hội đồng cổ đông năm 2014;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ số: 32/BB-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2015 và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Sông Đà Hoàng Long.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông quyết nghị thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm 2014:

1.1. Nội dung báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo tài chính:
Như tài liệu trình ĐHĐCĐ.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

- Giá trị SXKD: 2,3/40,1 tỷ đồng đạt 5,74% kế hoạch
- Doanh thu: 2,44/37,7 tỷ đồng đạt 6,5% kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế: 0,04/1,37 tỷ đồng đạt 3% kế hoạch
- Nộp ngân sách Nhà nước: 0,3/1,25 tỷ đồng đạt 24% kế hoạch
- Thu nhập bq người/tháng: 6,8/7,0 tr.đồng đạt 97% kế hoạch
- Giá trị đầu tư: 78,2/89,1 tỷ đồng đạt 88% kế hoạch.
- Tổng tài sản: 275,6 tỷ đồng
- + Tài sản ngắn hạn: 260 tỷ đồng, chiếm 94,3% tổng tài sản
- + Tài sản dài hạn: 15,6 tỷ đồng, chiếm 5,7% tổng tài sản
- Nguồn vốn: 275,6 tỷ đồng
- + Vốn chủ sở hữu: 94,5 tỷ đồng, chiếm 34,3% tổng nguồn vốn
- + Nợ phải trả: 181,1 tỷ đồng, chiếm 65,7% tổng nguồn vốn
- Vốn Điều lệ: 93,17/93,17 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch

2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2015.

2.1. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015:

2.1.1. Công tác thiết kế, dự toán tòa nhà 18T1, 18T2.

- Xin cấp phép xây dựng giai đoạn 2 (phần thân tòa nhà): Đã xong ngày 22/1/2015

- Xong thiết kế nội thất các căn hộ điển hình trước ngày 31/5/2015, thi công xong các căn hộ điển hình trước ngày 30/6/2015.

- Làm việc với Chủ đầu tư cấp 1 về phương án đấu nối Hệ thống điện, nước, giao thông, hạ tầng kỹ thuật cho dự án: Xong trước 31/5/2015.

- Làm thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất HH6: Xong trước 31/12/2015.

2.1.2. Mục tiêu tiến độ thi công tòa nhà 18T1, 18T2.

Tòa nhà 18T1.

- Kết thúc công tác thi công phần móng, tầng hầm: Trước 31/3/2015.

- Kết thúc công tác thi công kết cấu phần thân: Đầu tháng 11/2015.

- Bắt đầu công tác xây thô thân nhà: Tháng 6/2015.

- Bắt đầu công tác thi công hoàn thiện nhà: Đầu tháng 11/2015.

- Bắt đầu thi công hệ thống M&E và hệ thống kỹ thuật: Đầu tháng 9/2015.

- Thi công hạ tầng, cảnh quan: Dự kiến đến 31/12/2015 Hoàn thành 30% khối lượng công việc

- Dự kiến bàn giao nhà cho khách hàng: Tháng 08/2016.

Tòa nhà 18T2.

- Kết thúc công tác thi công phần móng, tầng hầm: Đầu tháng 3/2015.

- Kết thúc công tác thi công kết cấu phần thân: Trước 30/10/2015.

- Bắt đầu công tác xây thô thân nhà: Đầu tháng 6/2015.

- Bắt đầu công tác thi công hoàn thiện nhà: Tháng 10/2015.

- Bắt đầu thi công hệ thống M&E và hệ thống kỹ thuật: Tháng 8/2015.

- Thi công hạ tầng, cảnh quan: Dự kiến đến 31/12/2015 Hoàn thành 30% khối lượng công việc

- Dự kiến bàn giao nhà cho khách hàng: Tháng 08/2016.

2.1.3. Công tác kinh doanh bán hàng.

- Tổ chức cho khách hàng cũ đăng ký và ký hợp đồng mua bán căn hộ, thanh lý hợp đồng vay vốn xong trước 30/6/2015.

- Tổ chức kinh doanh bán hàng và chăm sóc khách hàng. Kế hoạch trong năm 2015 sẽ bán hết khoảng 90% lượng căn hộ tòa nhà 18T1, 18T2.

2.1.4. Công tác triển khai thủ tục dự án HH6 – Giai đoạn 2.

- Thông qua xong được QHTMB và PAKT với Sở Quy hoạch kiến trúc báo cáo lên UBND thành phố Hà Nội trước 30/6/2015.

- Triển khai thiết kế cơ sở sau khi PAKT được duyệt: Xong trước 31/12/2015

2.2. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015:

- Tổng giá trị SXKD: 397 tỷ đồng

- Doanh thu: 368 tỷ đồng

- Nộp nhà nước:	21,2 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	14,4 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	11,52 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư:	268,3 tỷ đồng
- Tổng tài sản:	214,2 tỷ đồng
- Tổng vốn chủ sở hữu:	106 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến:	10%
- Tiền lương bình quân:	8.000.000 đồng/người/tháng

3. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà – Hoàng Long.

Đại hội thông qua và đồng ý thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để phù hợp với Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2015 và điều kiện thực tế của Công ty, sự phát triển của xã hội (có chi tiết kèm theo).

4. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

4.1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Đại hội thông qua và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Hoàng Công Huân.

4.2. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội thông qua và miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Thành Biên và ông Nguyễn Văn Trung.

5. Thông qua bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

5.1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Bổ sung ông: **Trần Văn Huyền** - Sinh ngày: 05/9/1968 - Kỹ sư thực hành cơ khí, Thạc sỹ QTKD – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 5 làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, thay thế cho ông **Hoàng Công Huân**.

5.2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

Bổ sung ông: **Trịnh Ngọc Ánh** - Sinh ngày: 14/1/1978 - Kỹ sư KTXD - Nhân viên Phòng KT-KH-ĐT Công ty làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty, thay thế cho ông **Nguyễn Thành Biên**.

Bổ sung ông: **Bùi Đình Đông** - Sinh ngày 19/10/1962 - Cử nhân kinh tế – Phó Ban kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Sông Đà, làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty, thay thế cho ông **Nguyễn Văn Trung**.

6. Thông qua và ủy quyền cho HĐQT làm các thủ tục đăng ký, lựa chọn thời gian để niêm yết cổ phiếu Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM.

7. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT và BKS lựa chọn tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và ban kiểm soát lựa chọn đơn vị tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015, đảm bảo phù hợp qui định pháp luật của nhà nước và qui định của Công ty.

0309
NG T
PH
NG I
ANG LO
CUC - T

8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

Để đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất được kịp thời, không bỏ lỡ cơ hội kinh doanh. Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư và phê duyệt các Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm d mục 1.1 khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 của Điều lệ Công ty có hiệu lực từ ngày 1/7/2015.

9. Thông qua báo cáo chi thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2014; Dự toán tổng mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2015.

9.1. Báo cáo thù lao năm 2014:

- Dự toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2014 với số tiền là: 264.000.000 đồng.

- Thực chi thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2014 với số tiền là: 234.000.000 đồng, trong đó:

TT	Nội dung	Mức thu lao/tháng	SL (người)	Thời gian (tháng)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
I	Hội đồng Quản trị				150.000.000	
1	Thành viên HĐQT	5.000.000	3	6	90.000.000	6 tháng đầu năm có 01 Thành viên làm việc trực tiếp Công ty, không được hưởng thù lao
2	Thành viên HĐQT	5.000.000	2	6	60.000.000	6 tháng cuối năm có 02 Thành viên làm việc trực tiếp Công ty, không được hưởng thù lao
II	Ban Kiểm soát				84.000.000	
1	Trưởng BKS	5.000.000	1	12	60.000.000	
2	Thành viên BKS	2.000.000	1	12	24.000.000	01 Thành viên làm việc trực tiếp Công ty, không được hưởng thù lao
	Tổng cộng				34.000.000	

9.2. Dự toán tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2015 với số tiền là: 336.000.000 đồng, trong đó:

TT	Nội dung	Mức thu lao/tháng	SL (người)	Thời gian (tháng)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
I	Hội đồng Quản trị				192.000.000	
1	Thành viên HĐQT	5.000.000	2	12	120.000.000	

2	Thành viên HĐQT	3.000.000	2	12	72.000.000	02 Thành viên làm việc trực tiếp Công ty
II	Ban Kiểm soát				120.000.000	
1	Trưởng BKS	5.000.000	1	12	60.000.000	
2	Thành viên BKS	3.000.000	1	12	36.000.000	
3	Thành viên BKS	2.000.000	1	12	24.000.000	01 Thành viên làm việc trực tiếp Công ty
III	Thư ký HĐQT	2.000.000	1	12	24.000.000	Thư ký HĐQT làm việc trực tiếp Công ty
	Tổng cộng				336.000.000	

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo bộ máy điều hành tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cho phù hợp với thực tế (nếu có sự thay đổi). Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết này.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ máy quản lý điều hành, tổ chức, cá nhân trong Công ty có liên quan và cổ đông căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT;
- TV BKS;
- Phòng Nghiệp vụ;
- UBCK NN;
- Website;
- Lưu HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT


BÙI VĂN DỤC

NỘI DUNG CHI TIẾT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, số 33/NQ-DHĐCD ngày 23/5/2015)

Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long hiện hành đang dựa trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11; tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, ngày 26/7/2012 của Bộ Tài Chính và pháp luật khác có liên quan và được sửa đổi lần Thứ Ba, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Hiện nay, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, được Quốc Hội kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015. Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực.

ĐHĐCD thường niên năm 2015 đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế của Công ty, sự phát triển của xã hội, với nội dung sau đây:

TT	Điều, khoản và nội dung trong Điều lệ hiện tại (Điều lệ hiện hành Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2005 và Thông tư 121 năm 2012)	Cơ sở bổ sung, sửa đổi Điều lệ	Nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ (Điều lệ sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13)
1	Nội dung Điểm a, điểm b, điểm d khoản 1, Điều 1 theo điều lệ hiện tại: a. <i>Vốn điều lệ</i>: là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này; b. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>”: là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005; d. “<i>Cán bộ quản lý</i>”: là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	Khoản 29, Điều 4 Khoản 18, Điều 4 Khoản 2, Điều 151 Luật Doanh nghiệp	1. Nội dung sửa đổi: Điểm a, điểm b, điểm d khoản 1, Điều 1: a. “<i>Vốn điều lệ</i>”: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này. b. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>”: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; d. “<i>Chức vụ quản lý Công ty</i>”: gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
	Điều lệ hiện hành chưa có		2. Bổ sung: Điểm i, điểm k, Điều 1: i. “<i>Người quản lý doanh nghiệp</i>”: là người quản lý Công ty gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. k. “<i>Cổ đông</i>”: là cá nhân hay tổ chức sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty;
	Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty, theo điều lệ hiện tại. 2. Ngành nghề kinh doanh: - Đầu tư Kinh doanh bất động sản, các dịch vụ về nhà ở và khu Đô thị,	K1. Điều 7 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi bổ sung: Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty 2. Ngành, nghề kinh doanh: Công ty tự do kinh doanh những ngành nghề mà luật không cấm.

2	sản xuất, kinh doanh điện; cầu; đường giao thông; Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu công nghiệp; đầu tư, kinh doanh khách sạn, nhà hàng; trang trí nội, ngoại thất; - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Công trình thủy điện, thủy lợi, cầu, đường giao thông, sân bay, bến cảng; Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp; Xây lắp hệ thống đường dây điện, trạm biến áp cao, trung và hạ thế; - Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị xây dựng; sản phẩm công nghiệp; đại lý kinh doanh xăng dầu và dầu mỡ phụ; - Ủy thác đầu tư tài chính, dịch vụ quảng cáo trên mọi chất liệu; - Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm;		
3	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm		Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động Bỏ khoản 2
4	Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu, theo điều lệ hiện tại 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này. 2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải có dấu của Công ty và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chứng chỉ này ghi rõ số lượng và loại cổ phần liên quan, số tiền tính theo mệnh giá, các thông tin khác theo quy định của Pháp luật. Cổ phiếu phải có các nội dung sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Số và ngày cấp Giấy chứng nhận kinh doanh; Số lượng cổ phần và loại cổ phần; Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMTND, hộ chiếu hoặc	Điều 120 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi: Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần; c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu; 2. Trường hợp có sai sót trong nội dung

chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch số quyết định thành lập hoặc số Giấy phép ĐKKD của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi danh. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Chữ ký mẫu của chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Công ty. Số đăng ký tại sổ Cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu. 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (2) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào. 4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. 5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. 6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo. 7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ	và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra. 3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy; b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.
---	--

	và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật về Chứng khoán, thị trường Chứng khoán và Điều lệ này.		
5	Điều 7. Chào bán, Chuyển nhượng, thừa kế, cầm cố cổ phần, theo điều lệ hiện tại: 1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập; b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty; c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây: a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba (3) số liên tiếp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông	Theo Điều 122, 124, 125, 126 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung: Điều 7. Chào bán, Chuyển nhượng, thừa kế, cầm cố cổ phần 1. Chào bán cổ phần: 1.1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. 1.2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; b) Chào bán ra công chúng; c) Chào bán cổ phần riêng lẻ. 1.3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. 1.4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần. 2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 2.1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty. 2.2. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán. 2.3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. 3. Bán cổ phần: Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong

được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành; c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác; d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch Chứng khoán. 3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. 4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty. 5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại Khoản 5 Điều 5 Điều lệ này. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về	sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: 3.1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập; 3.2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty; 3.3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. 4. Chuyển nhượng cổ phần: 4.1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp đối với cổ phần ưu đãi khi chuyển nhượng phải thực hiện theo điều kiện khi phát hành. Trường hợp có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. 4.2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 4.3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty. 4.4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại. 4.5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 1 điều 10 của điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. 4.6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức. 5. Thừa kế. 5.1. Trong trường hợp cổ đông là một thể nhân qua đời, Công ty thừa nhận người
--	---

Chứng khoán, thị trường Chứng khoán và của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. 6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức. 7. Thừa kế. 7.1. Trong trường hợp cổ đông là một thể nhân qua đời, Công ty thừa nhận người hoặc những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã qua đời, nhưng qui định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã qua đời khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Người được thừa kế cổ phần có trách nhiệm tiếp tục thực hiện mọi trách nhiệm gắn liền với số cổ phần mà họ thừa kế; a. Người hoặc những người thừa kế theo quy định của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận; b. Người hoặc những người thừa kế theo di chúc hợp pháp của cổ đông đã qua đời; Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế với nhau. Công ty chỉ giải quyết việc thừa kế cổ phần khi người hoặc người đại diện thừa kế chứng minh đầy đủ các điều kiện để hưởng thừa kế theo đúng quy định của Pháp luật; 7.2. Người hoặc những người thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm chủ sở hữu cổ phần được thừa kế sẽ trở thành cổ đông mới và có mọi quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác; 8. Cầm cố quyền đối với vốn góp : Các cổ đông Công ty được thế chấp quyền đối với vốn góp của mình tại Công ty để vay vốn cho Công ty đầu tư, kinh doanh tại các Ngân hàng Việt Nam theo quy định của Pháp luật. Được quyền thế chấp cổ phiếu của cổ đông tại Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng để vay vốn mua cổ phần lần đầu.	hoặc những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã qua đời, nhưng qui định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã qua đời khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Người được thừa kế cổ phần có trách nhiệm tiếp tục thực hiện mọi trách nhiệm gắn liền với số cổ phần mà họ thừa kế; a. Người hoặc những người thừa kế theo quy định của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận; b. Người hoặc những người thừa kế theo di chúc hợp pháp của cổ đông đã qua đời; Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế với nhau. Công ty chỉ giải quyết việc thừa kế cổ phần khi người hoặc người đại diện thừa kế chứng minh đầy đủ các điều kiện để hưởng thừa kế theo đúng quy định của Pháp luật; 5.2. Người hoặc những người thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm chủ sở hữu cổ phần được thừa kế sẽ trở thành cổ đông mới và có mọi quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác; 5.3. <i>Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</i> 6. Cầm cố quyền đối với vốn góp, cổ phần: Các cổ đông Công ty được thế chấp quyền đối với vốn góp của mình tại Công ty để vay vốn cho Công ty đầu tư, kinh doanh tại các Ngân hàng Việt Nam theo quy định của Pháp luật. Được quyền thế chấp cổ phiếu của cổ đông tại Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng để vay vốn mua cổ phần lần đầu.
--	--

6	Điều 10. Quyền của cổ đông, theo điều lệ hiện tại. 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đó được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; h. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đó thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật; i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 90 Luật Doanh nghiệp; k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>từ 10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định	Nội dung sửa đổi bổ sung: Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông, quyền của cổ đông phổ thông. 1. Sổ đăng ký cổ đông 1.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. 1.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</i> <i>b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</i> <i>c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</i> <i>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</i> <i>đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</i> 1.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. 1.4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. 2. Quyền của cổ đông phổ thông 2.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: <i>a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</i> <i>b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán</i>
---	--	---

tại Khoản 3 Điều 23 và Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này; b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp; c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	<i>tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;</i> <i>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp;</i> <i>đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</i> <i>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;</i> 2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây: <i>a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 và Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này;</i> <i>b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</i> <i>c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</i> <i>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</i> <i>đ) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.</i> 2.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu
---	---

		triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 2.4. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. 2.5. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
--	--	---

7	Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông, theo điều lệ hiện tại Cổ đông có nghĩa vụ sau: 1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì Thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút. 2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ Công ty. 3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 5. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm Pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. 6. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.	Điều 115 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi: Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. <i>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i> 2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 5. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: d. Vi phạm Pháp luật; e. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; f. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. 6. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
	Điều 12. Đại hội đồng cổ đông, theo điều lệ hiện tại		Nội dung sửa đổi Điều 12. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội

8	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết về lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán hằng năm, phản ánh vốn điều lệ đó bị mất một nửa; c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Luật pháp; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp, nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng, các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; g. Các trường hợp khác theo quy	đồng cổ đông Điều 135, 136 Luật Doanh nghiệp 1. Đại hội đồng cổ đông: 1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. 1.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 2.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. 2.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
---	---	---

định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này; b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết; d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	<i>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</i> <i>b) Báo cáo tài chính hằng năm;</i> <i>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i> <i>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</i> <i>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</i> <i>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</i> <i>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</i> 2.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: <i>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</i> <i>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</i> <i>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;</i> <i>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</i> <i>đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i> 2.4. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 2.3 Điều này. <i>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</i> 2.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. <i>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì</i>
---	--

		<i>Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</i> <i>2.6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i> <i>2.7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</i> <i>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</i> <i>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</i> <i>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</i> <i>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</i> <i>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i> <i>e) Xác định thời gian và địa điểm họp;</i> <i>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</i> <i>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</i> <i>8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2.4, 2.5 và 2.6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.</i>
9	Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, theo điều lệ hiện tại 1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số	Nội dung sửa đổi: Điều 13. Ngoài các quyền và nghĩa vụ tại mục 1.2. khoản 1 điều 12, Đại hội đồng cổ đông còn có các quyền và nhiệm vụ sau: 1. Quyết định tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; 2. Quyết định tăng vốn điều lệ; phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác phù hợp với quy định của Pháp luật; 3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Doanh nghiệp, ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; 4. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận

tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này; g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đó bán của mỗi loại; i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty; k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; l. Quyết định tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m. Quyết định tăng vốn điều lệ; phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác phù hợp với quy định của Pháp luật; n. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Doanh nghiệp, ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a. Báo cáo tài chính hằng năm; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty; c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; d. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại; e. Lựa chọn Công ty kiểm toán; g. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của năm tài chính; h. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị. 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:	và thông qua các vấn đề sau: a. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty; b. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; c. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại; d. Lựa chọn Công ty kiểm toán; e. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của năm tài chính; g. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị. 5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: Các hợp đồng quy định tại Khoản 3. Điều này Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó. 6. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đó được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
---	---

	a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 1.n Điều này Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó. 4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đó được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.		
10	Điều 16. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và nội dung họp, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Khoản 4b hoặc Khoản 4c Điều 12 Điều lệ này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <u>phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày</u> trước ngày họp		Nội dung sửa đổi: Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, danh sách, chương trình và nội dung họp, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: 2.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. 2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 2.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo Điều

Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và từng loại cổ phần của cổ đông và ngày đăng ký cổ đông của Công ty, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 3 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.	lệ này. 3. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 3.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. 3.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 3.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty. 3.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông: 4.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 4.2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần
---	--

			thiết theo quy định của Điều lệ Công ty. 4.3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Phiếu biểu quyết; c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. 4.4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4.3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
11	Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, theo điều lệ hiện tại. 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp. 4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đó được gửi kèm thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.	Điều 141 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi: Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này.

12	Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành đăng ký việc dự họp cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. 2. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; c. Chủ tọa cử một người làm Thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; d. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. 3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 4. Chủ tọa và Thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	Điều 142 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi: Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông <i>Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định như sau:</i> 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông; 2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: <i>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i> <i>b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i> <i>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</i> <i>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;</i> 3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; 4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp; 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác; 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền
----	--	--	---

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. 6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng. 7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền: a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác; b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây: a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp. b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế	dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi; 7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây: a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc; 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
---	---

	chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.		
13	Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; b. Thông qua định hướng phát triển Công ty; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; h. Tổ chức lại, giải thể Công ty. 3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; c. Việc biểu quyết bầu thành viên	Điều 143, 144 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi: Điều 19. Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: 1.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 1.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; b) Định hướng phát triển Công ty; c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể Công ty. 2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: 2.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty; e) Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định. 2.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ

	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên do họ đề cử. 4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. 5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. 6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.	đồng dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm 2.1 và 2.3 khoản 2 Điều này; 2.3. Biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty. 2.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. 2.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
14	Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết về lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu	Sửa đổi: Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; 2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty

giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đó được trả lời; h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo Pháp luật của Công ty. 4. Phiếu lấy ý kiến đó được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đó xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đó bị mở đều không hợp lệ. 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có	<i>không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại mục 2.1 và 2.2. khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này;</i> 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b) Mục đích lấy ý kiến;</i> <i>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</i> <i>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</i> <i>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</i> <i>e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</i> <i>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</i> <i>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</i> <i>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</i> <i>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i> <i>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện</i>
--	--

các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đó tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các quyết định đó được thông qua; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo Pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. 7. Phiếu lấy ý kiến đó được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đó được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</i> <i>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</i> <i>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</i> <i>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</i> <i>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</i> <i>đ) Các vấn đề đã được thông qua;</i> <i>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</i> <i>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</i> <i>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</i> <i>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</i> <i>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i>
---	--

15	Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 146 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình và nội dung cuộc họp; d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
----	--	--	---

16	Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Điều 147, 148 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung: Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ, hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 2.2. khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại mục 2.2. khoản 2 Điều này; 1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 2. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
17	Điều 23, khoản 9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT: - Là công dân Việt Nam, thường trú ở Việt Nam; Là người đại diện phần vốn của các doanh nghiệp khác hoặc đại diện nhóm cổ đông được giới thiệu và đề cử theo tỷ lệ cổ phần có tại Công ty theo quy định tại khoản 3 điều 23 Điều lệ công ty.	Điều 151 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung: Điều 23, khoản 9. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 9.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Là công dân Việt Nam, thường trú ở Việt Nam; Là người đại diện phần vốn của các doanh nghiệp khác hoặc đại diện nhóm cổ đông được giới thiệu và đề cử theo tỷ lệ cổ

- Có đủ năng lực hành vi dân sự; có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh. Chủ tịch HĐQT phải có trình độ Đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm quản lý Điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. - Có đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực; có hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật. - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp. - Nếu là cổ đông cá nhân phải sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty. Nếu là cổ đông sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp ít nhất 03 năm.	<i>phần có tại Công ty theo quy định tại khoản 3 điều 23 Điều lệ công ty. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</i> <i>b) Có đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực; có hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật. Có trình độ Đại học trở lên về chuyên môn, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm quản lý Điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</i> <i>c) Nếu là cổ đông cá nhân phải sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty. Nếu là cổ đông sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp ít nhất 03 năm. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</i> <i>d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</i> 9.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp và có các tiêu chuẩn, điều kiện theo khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp. 9.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập họp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
---	--

18	Điểm h và i khoản 2 Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị h. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 120 Luật Doanh nghiệp; i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp;	Điều 149, 162 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điểm h và i khoản 2 Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị h. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện theo Pháp luật Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, 1.2. khoản 1 Điều 12 và khoản 3 điều 13 của Điều lệ này;
19	Điều 26, khoản 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đó được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi gửi đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp		Sửa đổi, bổ sung: Điều 26, khoản 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đó được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi gửi đi. <i>Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</i> 14.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. <i>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</i> <i>c) Thời gian, địa điểm họp;</i> <i>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</i>

			d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Các vấn đề đã được thông qua; i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 14.2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty. 14.3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
20	Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Hội đồng quản trị Quyết định việc bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng thuê Tổng giám đốc. 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 57 Luật Doanh nghiệp. 5. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có	Điều 157 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điều 27. Tổng giám đốc Công ty 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ Đại học trở lên về chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. c) Khi Công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại mục a), b) khoản 3 Điều này, Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị

	quyết định của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định kỳ; lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Pháp luật và của Công ty; e. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, kỷ luật chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương, kỷ luật các chức danh trưởng phòng nghiệp vụ Công ty, Giám đốc Đơn vị phụ thuộc (hoặc tương đương) sau khi có ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương, kỷ luật các chức danh Phó phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc Đơn vị phụ thuộc (hoặc tương đương) của Công ty; g. Tuyển dụng lao động, quyết định thôi việc, giải quyết các chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, chế độ Bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành cho người lao động của Công ty; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, quyết định uỷ quyền của Hội đồng quản trị.		dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty. 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. 5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
21	Điều 37. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định báo cáo tình hình	Điều 165 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát <i>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</i> <i>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</i> <i>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của</i>

kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này. 5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. 6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. 7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. 9. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi	<i>công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</i> <i>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.</i> <i>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</i> <i>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</i> <i>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</i> <i>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</i> <i>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</i> <i>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</i> <i>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ</i>
--	---

	nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; 10. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; 11. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết; 12. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; 13. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; 14. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty; 15. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; 16. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty. 17. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau đây: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động đối với tư cách là trưởng Ban kiểm soát. b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát. c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.		đồng. <i>12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</i>
22	Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác	Điều 166 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát <i>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</i> <i>2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông,</i>

	do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. 3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc. 4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.		thành viên Hội đồng quản trị. 3. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. 4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc. 5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
23	Điều 39. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát trên cơ sở số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên. 2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập Doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điều 39. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên 1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát; 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

24	Điều 40. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát 1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật. 5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty. 6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Điều 168 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi: Điều 40. Trách nhiệm của Kiểm soát viên 1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. 2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. 3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty. 6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
25	Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát 1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này. b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.		Sửa đổi: Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Có đơn từ chức và được chấp thuận; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

	c. Có đơn xin từ chức. d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. 2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.		2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty; c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế. 4. Thành viên Ban kiểm soát được thay thế, bổ sung như sau: Hội đồng quản trị lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát hoặc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
26	Khoản 2 Điều 46 theo điều lệ hiện tại: 2. Trả cổ tức a. Cổ tức được thanh toán mỗi năm một lần. Mức cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thời hạn trả cổ tức tối đa sau bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua mức cổ tức. b. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng, đã thực hiện trích lập các khoản quỹ. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan	Điều 132 Luật Doanh nghiệp	Nội dung sửa đổi: khoản 2 Điều 46: 2. Trả cổ tức 2.1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. 2.2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. 2.3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông. 2.4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc

tới cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký. c. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty. d. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu. e. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này. g. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết	hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây: <i>a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</i> <i>b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;</i> <i>c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</i> <i>d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;</i> <i>đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;</i> <i>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i> 2.5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty. 2.6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
--	--

	định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất. h. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. i. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các Chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài sản khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc Chứng khoán liên quan. k. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.		
27		Khoản 3. Điều 25 Luật Doanh nghiệp	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Bổ sung thêm khoản 3: 3. Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ, tên và chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.
28	Điều 59. Điều khoản thi hành, ngày hiệu lực: 1. Điều lệ này gồm 16 Chương 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Sông Đà - Hoàng Long thông qua ngày 03 tháng 07 năm 2009, được bổ sung sửa đổi lần thứ 3, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 có hiệu lực.		Sửa đổi: Khoản 1 Điều 59. Điều khoản thi hành, ngày hiệu lực: 1. Điều lệ này gồm 16 Chương với 59 Điều, được Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà – Hoàng Long nhất trí thông qua ngày 23 tháng 5 năm 2015 tại trụ sở Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.